

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Số: 81 /2008/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 12 năm 2008

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN BẢN
Số: 76 /2008/QĐ-UBND
Ngày: 5 tháng 1 năm 2009
Kính chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện

công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

giai đoạn 2009 - 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình;

Căn cứ Chỉ thị số 23/2008/CT-TTg ngày 04/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình;

Căn cứ Chỉ thị số 12-CT/TU của Tỉnh Ủy Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 21/11/2006 về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số - KHHGD của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-HĐND ngày 05/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành Đề án Tiếp tục thực hiện công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2009-2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế Tỉnh tại tờ trình số 2319/TTr-SYT ngày 19/12/2008 về việc đề nghị phê duyệt Đề án Tiếp tục thực hiện công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2009-2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Tiếp tục thực hiện công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2009-2010.

Điều 2. Giao cho Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch-đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ; “Đề b/c”
- Website Chính phủ; “
- Bộ Y tế; “
- Bộ Tư pháp; “
- (Cục kiểm tra văn bản)
- Tổng cục DS-KHHGĐ; “
- TTr.TU, TTr.HĐND Tỉnh; “
- Thành viên UBND Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- UB Mặt trận tổ quốc Tỉnh và các đoàn thể;
- Các Ban thuộc HĐND Tỉnh;
- Đài Phát thanh-truyền hình, Báo BR-VT;
- Trung tâm Công báo Tỉnh;
- Lưu :VT-TH
- V3@19/12/2008

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Thành Kỳ

ĐỀ ÁN

**Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác
dân số-kế hoạch hóa gia đình tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2009-2010**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 81 /2008/QĐ-UBND
ngày 25/12/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

I. THỰC TRẠNG, THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN SỐ-KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH HIỆN NAY CỦA TỈNH:

1. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đã được khống chế nhưng qui mô dân số của tỉnh tiếp tục tăng bình quân 15.000 người mỗi năm:

Bà Rịa-Vũng Tàu là một trong các tỉnh có tỷ lệ tăng dân số tự nhiên thấp của cả nước và tỉnh đã đạt được mức sinh thay thế (có nghĩa bình quân mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ có 2 con). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2001 của tỉnh là 1,47% và đến năm 2008 ước thực hiện là 1,18%, bình quân tỷ lệ tăng dân số tự nhiên thời gian qua giảm 0,04%/năm

Năm 2001 dân số trung bình của tỉnh là 841.500 người và đến năm 2008 ước tính dân số trung bình là 995.000 người. Như vậy bình quân mỗi năm toàn tỉnh tăng thêm khoảng 15.000 người. Do tỷ lệ tăng dân số tự nhiên thấp nên số người tăng thêm hàng năm của tỉnh chủ yếu là tăng cơ học. Các đối tượng di dân tự do rất khó quản lý nên đây vừa là một thế mạnh của tỉnh thu hút nhân lực vào các khu công nghiệp nhưng cũng là một gánh nặng trong công tác quản lý dân số-kế hoạch hóa gia đình.

2. Mức sinh hàng năm của tỉnh đều giảm nhưng chưa thật sự vững chắc và còn tiềm ẩn nguy cơ mức sinh tăng trở lại:

Tỷ suất sinh của tỉnh năm 2001 là 18,18 ‰ và ước tính năm 2008 sẽ là 15,8 ‰. Như vậy với nỗ lực của các cấp các ngành, tỷ suất sinh hàng năm của tỉnh đều giảm. Tuy nhiên nếu theo dõi mức giảm sinh những năm gần đây của tỉnh sẽ thấy có những giai đoạn chúng ta giảm nhanh và có giai đoạn mức giảm sinh bị chững lại. Cụ thể trước năm 2003, mức giảm sinh mỗi năm bình quân là 0,5‰, đến năm 2003 Pháp lệnh Dân số được ban hành và giai đoạn đầu do sự hiểu lệch lạc nội dung của Pháp lệnh Dân số đã làm cho mức giảm sinh chững lại và tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên tăng đột biến. Với sự chỉ đạo kiên quyết của cấp ủy và chính quyền trong 2 năm 2004 và 2005 và nhất là sự ra đời của Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình đã kiềm chế mức sinh. Tỷ suất sinh trong 3 năm 2005-2007 đã giảm bình quân 0,3 phần ngàn/năm. Tuy nhiên đến năm 2008, với sự biến động bộ máy quản lý chương trình dân số-kế hoạch hóa gia đình các cấp và sự lơ là trong công tác chỉ đạo của một số

địa phương, một lần nữa mức sinh có chiều hướng gia tăng và năm 2008 tỉnh có khả năng chỉ giảm được 0,22 phần ngàn so với chỉ tiêu kế hoạch giao là 0,3 phần ngàn.

Song song với tỷ suất sinh là tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên cũng dao động “lên, xuống”. Đặc biệt trong hai năm 2003-2004 có sự tăng tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên đột biến trong một số bộ phận đảng viên, cán bộ, viên chức và đã ảnh hưởng đến phong trào thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Giai đoạn 2001-2003 tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên hàng năm đều giảm bình quân 1% nhưng đến năm 2003-2004 đã chứng lại và sau đó chỉ giảm bình quân mỗi năm 0,5%. Đặc biệt năm 2008 khả năng tỉnh giảm được 0,4% so với kế hoạch giao là giảm 0,5%.

Như vậy, mặc dù tỉnh đã đạt mức sinh thay thế nhưng mức giảm sinh của tỉnh hiện nay chưa thật sự bền vững. Nếu không có những giải pháp tích cực sẽ xuất hiện tình trạng tăng sinh trở lại và cơ cấu dân số sẽ tăng trong những năm tới. Kết quả giảm sinh hàng năm không thực sự bền vững và điều này thể hiện rõ nhất mỗi khi có những yếu tố không tốt tác động thì mức sinh của tỉnh lại có chiều hướng giảm chậm và tỷ lệ sinh con thứ ba tăng lên.

3. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai đạt mức cao, nhưng chưa bảo đảm vững chắc để duy trì mức sinh thay thế:

Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai là yếu tố quan trọng để đảm bảo duy trì mức sinh thay thế. Tỷ lệ này năm 2001 là 71,2 % và mỗi năm tăng bình quân khoảng 1,5%. Đến năm 2008 tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai ở mức 81,5 % (tương đương với mức của các nước phát triển).

Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại (như triệt sản, dụng cụ tử cung, thuốc tránh thai và bao cao su) chưa tương thích với mức sinh thay thế và chưa đảm bảo vững chắc để duy trì mức sinh thay thế. Vẫn còn nhiều người sử dụng không thường xuyên biện pháp tránh thai và tạo nguy cơ “vỡ kế hoạch”.

Cơ cấu các biện pháp tránh thai đã được đa dạng hóa, một số biện pháp tránh thai hiện đại đã được triển khai như sử dụng thuốc tiêm tránh thai, thuốc cấy tránh thai, đa dạng hóa nhiều loại thuốc uống tránh thai... Tuy nhiên 2 biện pháp tránh thai hữu hiệu nhất là triệt sản và đặt dụng cụ tránh thai có xu hướng giảm số lượng người sử dụng, đặc biệt là số người triệt sản khá thấp so với kế hoạch giao hàng năm.

4. Chất lượng dân số từng bước được cải thiện, nhưng còn ở mức độ thấp gây cản trở sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh:

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đang thực hiện giai đoạn 2 của Chiến lược Dân số đến năm 2010 là giai đoạn mà việc nâng cao chất lượng dân số được chú trọng. Một số chỉ tiêu về sức khỏe bà mẹ, trẻ em trong thời gian qua đã đạt kết quả khá tốt do những nỗ lực trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi từ năm 2001 đến nay bình quân là 3,7 phần ngàn và ở mức thấp của cả nước. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đã được khống chế và giảm từ 26,42% năm 2001

xuống còn 15,1 % vào năm 2007. Thông qua các chỉ số sức khỏe đạt được trong thời gian qua có thể khẳng định tầm vóc, thể lực của trẻ em, thanh thiếu niên của tỉnh có tăng trưởng.

Tuy chất lượng dân số của tỉnh đã được cải thiện nhưng chưa thật sự ổn định. Vấn đề dị tật bẩm sinh và tàn tật, tàn phế do tai nạn giao thông, tai nạn lao động chưa có giải pháp can thiệp hiệu quả. Tình trạng lây nhiễm HIV/AIDS, nhất là đối với vị thành niên/thanh niên gây tác hại lâu dài. Các tổ chức về tầm vóc, thể lực của con người còn nhiều hạn chế. Việc theo dõi những dị tật trước sinh và sơ sinh chưa được chú trọng đúng mức cũng đã ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng dân số của tỉnh.

5. Cơ cấu dân số của tỉnh đang ở giai đoạn “cơ cấu dân số vàng” nhưng tỷ số giới tính khi sinh đang ở mức cao:

Cơ cấu dân số tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu hiện nay ở giai đoạn cơ cấu dân số “vàng”. Nghĩa là dân số trong độ tuổi lao động tăng cao và tỷ lệ dân số phụ thuộc giảm. Nếu chúng ta được sử dụng “lợi thế về nhân khẩu học” này và nguồn lao động dồi dào sẽ tăng cường cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Ngược lại nếu không có giải pháp phù hợp về sử dụng nguồn lao động thì lợi thế này sẽ trở thành thách thức trong việc giải quyết công ăn việc làm, hạn chế đáng kể đến các khả năng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh nhà.

Tỷ số giới tính khi sinh của cả nước có xu hướng tăng và tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cũng bắt đầu có tình trạng này. Qua khảo sát tỷ lệ giới tính của tỉnh khoảng 110 nam/100 nữ cao hơn mức bình thường (105 nam/100 nữ). Điều này cảnh báo sẽ có nguy cơ dẫn đến mất cân bằng giới tính khi sinh.

6. Chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình thời gian qua đã khuyến khích người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình nhưng chưa cao và chính sách đãi ngộ đối với cộng tác viên còn hạn chế:

– Chính sách khen thưởng cho các tập thể làm tốt công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình hiện nay chủ yếu theo hướng dẫn của Trung ương và chỉ khen thưởng ở cấp xã (thường 2 triệu đồng/xã). Các thôn, ấp, khu phố không sinh con thứ ba trở lên chưa được khen thưởng tương xứng.

– Đối với người thực hiện kế hoạch hóa gia đình hiện tại tỉnh chỉ động viên cho người triệt sản thêm 100.000 đồng ngoài phần hỗ trợ theo qui định của Trung ương. Người có công vận động triệt sản cũng chưa được khuyến khích thỏa đáng. Mức khuyến khích của tỉnh hiện nay rất thấp so với các tỉnh trong khu vực và chưa thật sự động viên người dân thực hiện các biện pháp tránh thai có hiệu quả lâu dài.

– Chính sách hỗ trợ cho các cộng tác viên dân số-kế hoạch hóa gia đình từ nguồn kinh phí địa phương chưa thỏa đáng với công sức và hiệu quả công việc. Mức hỗ trợ của tỉnh hiện nay là 10.000 đồng/người/tháng. Nếu cộng cả kinh phí của Trung ương là 60.000 đồng/người/tháng là quá thấp.

– Chính sách xử phạt các tập thể, cá nhân vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình chưa thật sự nghiêm minh và chưa rõ ràng nhất là đối

với cán bộ công chức viên chức, đảng viên đã ảnh hưởng đến việc tuyên truyền vận động kế hoạch hóa gia đình.

7. Nguyên nhân:

a) Nguyên nhân của kết quả đạt được:

– Chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình phù hợp với nguyện vọng của nhân dân toàn tỉnh. Việc thực hiện chính sách qui mô gia đình nhỏ ít con thực sự đã đem lại lợi ích cho bản thân, lợi ích kinh tế, tinh thần và sức khỏe cho mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng và toàn xã hội nên đã được nhân dân đồng tình hưởng ứng và tích cực thực hiện.

– Các cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở phần lớn nhận thức được rằng “dù cố gắng phát triển kinh tế xã hội, nhưng tỷ lệ tăng dân số không được kiểm chế thì rất khó khăn trong việc phát triển và nâng cao đời sống nhân dân”. Vì vậy, các cấp các ngành đã xác định giải quyết vấn đề qui mô dân số là khâu đột phá cho sự phát triển. Sự cam kết chính trị mạnh mẽ của cấp ủy Đảng và Chính quyền các cấp là điều có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện thành công chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình.

– Huy động được toàn xã hội tham gia thực hiện công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình. Các ban ngành đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã lồng ghép mục tiêu, chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình vào nhiệm vụ, hoạt động của đơn vị, đã tích cực tham gia với tinh thần trách nhiệm cao, đưa công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình hoạt động của ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị mình.

– Mạng lưới quản lý công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình đủ sức điều phối chương trình và có mạng lưới làm công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình đến tận thôn, ấp, cụm dân cư, tổ dân phố. Mạng lưới chuyên trách dân số-kế hoạch hóa gia đình đã điều phối hoạt động của các ngành, đoàn thể một cách thống nhất, tạo sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình. Mạng lưới cộng tác viên cơ sở thực sự là lực lượng nòng cốt trong việc tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

– Đầu tư cho công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình được tăng cường và phương pháp quản lý có hiệu quả: Trong giai đoạn 2001-2008 ngoài phần kinh phí Trung ương phân bổ (bình quân khoảng 4,5 tỷ đồng/năm); hàng năm ngân sách tỉnh luôn bổ sung để nâng cao tính hiệu quả của chương trình ở mức bình quân mỗi năm khoảng 1 tỷ đồng. Phương thức thực hiện là quản lý thống nhất nguồn lực và phân bổ công khai kinh phí từ đầu năm, phân cấp cụ thể trách nhiệm từng cấp, sử dụng kinh phí thông qua hợp đồng trách nhiệm đã mang lại hiệu quả thiết thực.

– Công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục về dân số-kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh, toàn diện và đồng bộ, tạo sự đồng thuận của xã hội.

– Hệ thống cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình được củng cố và phát triển, đồng thời triển khai các mô hình cung cấp dịch vụ đến từng gia đình và người sử dụng.

b) Nguyên nhân của những hạn chế, đặc biệt trong giai đoạn 2001 đến nay:

– Tâm lý tập quán muốn đông con, phải “có nếp có tẻ” là nguyên nhân khó khăn phức tạp và lâu dài để thực hiện mô hình qui mô nhỏ từ 1 đến 2 con, bảo đảm cân bằng giới tính và nâng cao chất lượng dân số.

– Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu hiện mức sinh đã thấp nên tốc độ giảm sinh sẽ chậm lại và khó khăn hơn nhiều so với giai đoạn trước đây.

– Một số cấp ủy Đảng, Chính quyền, đoàn thể có tư tưởng chủ quan thỏa mãn với những thành tích đã đạt được nên có thời điểm đã buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình.

– Sự thiếu chắc chắn trong nội dung của Pháp lệnh Dân số đã tạo nên sự cố tình hiểu lệch lạc nội dung của Pháp lệnh Dân số nhất là trong một số bộ phận cán bộ đảng viên đồng thời việc chưa xử lý chưa nghiêm những cán bộ đảng viên vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình đã có tác động tiêu cực đến phong trào nhân dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

– Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về dân số-kế hoạch hóa gia đình chưa đầy đủ, nội dung và hình thức truyền thông chưa phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội của từng địa phương và từng đối tượng, chưa dự báo đúng tình hình để định hướng dư luận xã hội trong việc thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình.

– Từ năm 2001 đến nay hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình các cấp luôn trong tình trạng không ổn định, thay đổi nhiều đã ảnh hưởng đến hiệu quả chương trình.

– Đầu tư nguồn lực cho công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình chưa đáp ứng nhu cầu và không ổn định.

II. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ-KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH TỈNH BÀ RIÀ-VŨNG TÀU GIAI ĐOẠN 2009-2010

A. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm:

Tiếp tục quán triệt và phát triển 5 quan điểm của Đảng về công tác Dân số-KHHGD từ Nghị quyết 04-NQ/HNTW ngày 14/1/1993 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII và Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình. Trong bối cảnh thực tế hiện nay, các cấp các ngành cần chú trọng chỉ đạo:

– Nhận thức đúng đắn quan điểm, mục tiêu và các giải pháp đã được nêu trong Chỉ thị số 12-CT/TU của Tỉnh Ủy Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 21/11/2006 về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2006-2010.

– Nhanh chóng kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy làm công tác dân số
- kế hoạch hóa gia đình từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng yêu cầu cấp bách trong công tác này ở địa phương.

– Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc thực hiện công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình.

2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu giảm sinh:

– Mục tiêu: Duy trì mức sinh thấp, chú trọng giảm sinh ở những địa bàn có tỷ suất sinh, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn cao như các huyện Xuyên Mộc, Châu Đức và Tân Thành. Các huyện còn lại cần chuyển hướng mạnh trong việc đề ra mục tiêu cụ thể về nâng cao chất lượng dân số.

– Các chỉ tiêu đánh giá giảm sinh:

+ Tỷ suất sinh thô bình quân giảm 0,3 phần ngàn/năm. Phần đầu tỷ lệ tăng tự nhiên còn 1,1% vào năm 2010 và dưới 1% sau năm 2010.

+ Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên cần giảm dưới 10% vào năm 2010 và bình quân giảm 0,2-0,3% /năm sau năm 2010.

b) Mục tiêu về cơ cấu dân số và chất lượng dân số:

– Không chế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh ngay trong năm 2009 để ổn định về cơ cấu dân số của tỉnh.

– Nâng cao chất lượng dân số của tỉnh về thể chất, trí tuệ, tinh thần đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa.

B. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền:

– Tiếp tục quán triệt Nghị quyết của Đảng, Chỉ thị và Quyết định của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình trong các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở nhằm chuyển đổi hành vi của cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến cơ sở về dân số-kế hoạch hóa gia đình.

– Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính quyền các cấp đối với công tác DS-KHHGĐ. Các cấp Chính quyền phải nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình của địa phương mình, đơn vị mình để có kế hoạch khắc phục những yếu kém và kiên quyết ngăn chặn việc sinh nhiều con.

– Huy động toàn xã hội tham gia công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình. Nâng cao tính hiệu quả trong việc phối hợp các cấp các ngành, đoàn thể, các tổ chức tôn giáo trong việc thực hiện công tác này đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tự nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

– Đưa công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình thành một nội dung quan trọng trong chương trình hoạt động của các cấp chính quyền. Cán bộ, công chức, viên chức phải gương mẫu, đi đầu trong tuyên truyền vận động và xem việc thực hiện dân số-kế hoạch hóa gia đình là một chỉ tiêu quan trọng trong

việc đánh giá phân loại, đề bạt, đề cử cán bộ, công chức, viên chức vào các chức vụ lãnh đạo của các cơ quan chính quyền các cấp.

– Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình theo qui định hiện hành. Nghiêm túc thực hiện việc xem xét đưa ra khỏi chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình.

2. Về tổ chức bộ máy và quản lý công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình:

– Nhanh chóng sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình từ tỉnh, huyện, xã ngay trong đầu Quý I năm 2009.

– Quan tâm chỉ đạo việc sắp xếp cán bộ chuyên trách làm dân số-kế hoạch hóa gia đình cấp xã hiện có và tuyển dụng viên chức y tế làm công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình ở các Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

– Triển khai các biện pháp cụ thể để nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức bộ máy làm công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình ngay từ năm 2009.

– Tăng cường sự phối hợp giữa ngành y tế và các ban, ngành, đoàn thể cùng các cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp trong công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình.

3. Về hoạt động truyền thông giáo dục:

– Tuyên truyền rộng rãi với nhiều hình thức phong phú, đa dạng Nghị quyết, chủ trương đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước về dân số-kế hoạch hóa gia đình đến mọi tầng lớp nhân dân. Đặc biệt chú trọng giới thiệu nội dung Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết này.

– Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục để mọi người dân chấp nhận mô hình gia đình ít con chỉ từ một đến hai con để thay đổi tâm lý, tập quán sinh đẻ lạc hậu trong nhân dân. Hình thức tuyên truyền phải phù hợp với từng nhóm đối tượng, điều kiện kinh tế-xã hội và văn hóa của từng vùng. Địa bàn cần tập trung tuyên truyền là vùng đông dân, có mức sinh cao, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

– Tăng cường việc phối kết hợp với các ban, ngành đoàn thể, cơ quan truyền thông đại chúng từ tỉnh đến cơ sở; lồng ghép tuyên truyền giáo dục về dân số-kế hoạch hóa gia đình với các hoạt động của cơ quan nhằm tạo sự đồng thuận trong việc chấp nhận mô hình qui mô nhỏ, ít con và từng bước nâng cao chất lượng dân số.

– Mở rộng và nâng cao chất lượng việc giáo dục dân số-kế hoạch hóa gia đình trong và ngoài nhà trường nhằm chuyển đổi hành vi, nhận thức nhất là đối tượng thanh thiếu niên đối với dân số-kế hoạch hóa gia đình bảo đảm sự phát triển bền vững của chương trình.

– Triển khai có hiệu quả Chiến dịch tăng cường truyền thông vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản đến vùng đông dân, có mức sinh cao, vùng khó khăn nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nhân dân.

4. Về tăng cường cung cấp và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản:

– Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn thông qua các đợt Chiến dịch hàng năm.

– Xây dựng, triển khai các mô hình, phương thức cung cấp dịch vụ phù hợp đáp ứng nhu cầu dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình tại các địa bàn, các đối tượng đặc thù và đối với giới trẻ, vị thành niên, thanh niên. Khuyến khích sự tham gia cung cấp dịch vụ của khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội.

– Có biện pháp đẩy mạnh tiếp thị xã hội và cung cấp phương tiện tránh thai trên thị trường.

– Nghiên cứu triển khai những biện pháp cụ thể trong việc cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho người nhập cư.

– Triển khai lồng ghép có hiệu quả các dịch vụ tư vấn và dịch vụ kỹ thuật; cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số như: kiểm tra sức khỏe tư vấn tiền hôn nhân, phát hiện các bệnh bẩm sinh của trẻ sơ sinh, chẩn đoán trước sinh và sau sinh, phục hồi chức năng...

5. Về chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình của địa phương:

a) Chính sách khen thưởng: Thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành về thi đua khen thưởng. Ngoài ra đề động viên việc thực hiện tốt chương trình dân số-kế hoạch hóa gia đình cần bổ sung thêm:

– Đối với tập thể: chỉ tiêu quan trọng nhất hiện nay là giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên. Do vậy cần có chính sách khen thưởng:

+ Xã, phường, thị trấn trong năm không có người vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình sẽ được Bằng khen của UBND tỉnh kèm theo tiền thưởng là 4 triệu đồng. Đơn vị nào tiếp tục giữ thành tích thì năm sau sẽ thưởng bằng 150% của năm trước.

+ Thôn, ấp, khu phố trong năm không có người vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình được Bằng khen của UBND tỉnh kèm tiền thưởng theo qui định hiện hành. Đơn vị nào tiếp tục giữ thành tích thì năm sau sẽ thưởng bằng 150% của năm trước.

+ Các cơ quan, xí nghiệp có từ 500 cặp vợ chồng trở lên nếu không có người vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình được xét như thôn, ấp, khu phố.

– Đối với cá nhân thực hiện kế hoạch hóa gia đình:

+ Người tự nguyện triệt sản ngoài phần bồi dưỡng do Trung ương qui định, ngân sách tỉnh sẽ chi bồi dưỡng thêm 500.000 đồng/trường hợp.

+ Người có công vận động triệt sản được bồi dưỡng 50.000 đồng/trường hợp.

b) Chính sách đối với cộng tác viên dân số-kế hoạch hóa gia đình: Ngoài định suất của Trung ương 50.000 đồng/người /tháng; ngân sách hỗ trợ thêm mỗi tháng là 50.000 đồng/người/tháng để khuyến khích cộng tác viên quản lý và tuyên truyền tốt dân số-kế hoạch hóa gia đình tại địa phương.

c) Chính sách xử lý: cần phải nghiêm minh nhất là các đối tượng cán bộ đảng viên, công chức viên chức để làm gương. Ngoài hình thức kỷ luật theo qui định chung của Đảng (đối với đảng viên) và Chính phủ (đối với cán bộ, công chức viên chức); các đơn vị và cá nhân vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình sẽ:

- Không xem xét việc đề bạt cán bộ, tăng lương và các danh hiệu thi đua trong năm đối với các cán bộ, công chức viên chức vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Không xem xét các danh hiệu thi đua trong năm đối với cơ quan, đơn vị trực tiếp có người sinh con thứ ba trở lên.

- Không xem xét các danh hiệu thi đua trong năm của các ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã nếu tỷ suất sinh, tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên không giảm so với năm trước.

6. Đầu tư nguồn lực:

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng ngân sách chương trình mục tiêu Quốc gia về dân số-kế hoạch hóa gia đình công khai, đúng mục đích và hiệu quả.

- Mức đầu tư từ ngân sách tỉnh cho công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình mỗi năm bằng 50% mức đầu tư của Trung ương (khoảng 2,5 tỷ đồng/năm). Ngành y tế cần xây dựng kế hoạch cụ thể để đẩy mạnh các hoạt động của chương trình dân số-kế hoạch hóa gia đình trong đó ưu tiên cho các hoạt động truyền thông chuyển đổi hành vi, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo chế độ chính sách cho người thực hiện kế hoạch hóa gia đình, nâng cao năng lực quản lý và đảm bảo chất lượng hệ thống tin về dân số-kế hoạch hóa gia đình.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Cơ quan chủ trì: Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Sớm ổn định và kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình từ tỉnh đến cơ sở theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm thực hiện có hiệu quả công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về dân số- kế hoạch hóa gia đình của các tổ chức và cá nhân; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi.

- Theo dõi đôn đốc, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện đề án này.

2. Các cơ quan phối hợp:

a) Các sở ban ngành:

– Tổ chức phổ biến, nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/03/2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình; Chỉ thị số 23/2008/CT-TTg ngày 04/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình và Chỉ thị số 12-CT/TU của Tỉnh Ủy Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 21/11/2006 về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số-KHHGD của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2006-2010.

– Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng và ban hành chương trình hành động tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2009-2010 với những nội dung cụ thể phù hợp đối với đơn vị, công chức viên chức. Cần chú ý đến việc động viên khen thưởng người thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

b) *Sở Thông tin và Truyền thông*: chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng từ Tỉnh đến địa phương phối hợp với cơ quan làm công tác dân số-kế hoạch hoá gia đình cùng cấp tổ chức các đợt truyền thông sâu rộng về chính sách dân số-kế hoạch hoá gia đình; đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục thường xuyên, kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt và phê phán những tập thể, cá nhân vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hoá gia đình.

c) *Sở Giáo dục và Đào tạo*: triển khai có hiệu quả hoạt động giáo dục dân số, sức khoẻ sinh sản, giới và giới tính trong và ngoài nhà trường.

d) *Sở Kế hoạch và Đầu tư*: chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Y tế tăng cường lồng ghép các nội dung, chỉ tiêu dân số-kế hoạch hoá gia đình vào các chương trình phát triển kinh tế-xã hội; tăng cường vận động các nguồn lực để hỗ trợ thực hiện công tác dân số-kế hoạch hoá gia đình.

e) *Sở Tài chính*: chủ trì, thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Y tế bố trí kinh phí để bảo đảm thực hiện theo đúng tiến độ và có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về dân số-kế hoạch hoá gia đình hàng năm.

f) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp về dân số-kế hoạch hóa gia đình đã được quy định tại Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/03/2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình. Trước mắt cần tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

– Tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác dân số-kế hoạch hoá gia đình trong các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về tầm quan trọng của công tác dân số-kế hoạch hoá gia

đình, là một trong những yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội.

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác dân số-kế hoạch hoá gia đình của chính quyền các cấp. Nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm về sự giảm sút, yếu kém của công tác dân số-kế hoạch hoá gia đình trong thời gian qua; khắc phục triệt để tư tưởng chủ quan, thoả mãn, buông lỏng trong lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác này. Đưa công tác dân số-kế hoạch hoá gia đình thành một nội dung quan trọng trong chương trình công tác thường kỳ; lấy kết quả thực hiện tốt mục tiêu chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể và cá nhân. Cán bộ, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện chủ trương mỗi cặp vợ chồng có một hoặc hai con và tích cực vận động gia đình và toàn dân thực hiện tốt chính sách dân số-kế hoạch hoá gia đình. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hoá gia đình theo đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Y tế nhanh chóng kiện toàn, củng cố cơ quan dân số-kế hoạch hóa gia đình cấp huyện; ổn định đội ngũ chuyên trách dân số-kế hoạch hóa gia đình cấp xã và lực lượng cộng tác viên để đảm bảo triển khai các hoạt động của công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Trên cơ sở quy định của pháp luật, chính quyền các cấp có cơ chế và biện pháp mạnh mẽ nhằm bổ sung, tăng cường nguồn lực và huy động toàn xã hội tham gia công tác dân số-kế hoạch hoá gia đình, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, đồng thời mang tính chiến lược lâu dài.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục trong toàn xã hội về dân số-kế hoạch hoá gia đình với những hình thức và nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng, tập trung ở những vùng đông dân, vùng có mức sinh cao, vùng có tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên cao, vùng có tỷ số giới tính khi sinh cao, vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn.

g) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội: tăng cường tuyên truyền, vận động hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số-kế hoạch hoá gia đình; trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về dân số-kế hoạch hóa gia đình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *nhân*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Thành Kỳ